TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 274/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 06 – 7 – 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yen A
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Tr
2. Ông Lý Khắc Ch

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Dương Thùy D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng V – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T N, sinh năm 1989. Địa chỉ nơi cư trú: Khu vực Bình Phước, phường PT, quận Ô M, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1990. Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 05, ấp Long Thịnh, xã Ô L V, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn chị N trình bày N sau: Chị N và anh L quen biết và yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô L V. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, chị N yêu cầu được ly hôn với anh L. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Tuyết Nhung, sinh ngày 20/3/2013. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ Nng anh L không có bản tự khai trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị N.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị N và anh L chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị N trình bày có mâu thuẫn, anh L không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ly thân đã lâu, anh L không quan tâm cuộc sống vợ chồng nên tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tuyết Nhung, sinh ngày 20/3/2013; con chung đang được chị N trực tiếp nuôi, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Vũ L: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Long Thịnh, xã Ô L V, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh L đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ Nng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của chị N, chị và anh L chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị N. Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị N yêu cầu ly hôn được bà Nguyễn Thị Hậu là mẹ ruột anh L cung cấp thông tin N sau: Việc N yêu cầu ly hôn, bà Hậu có cho L hay và L đồng ý ly hôn với N, bà Hậu nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đều có cho L hay. Còn về mâu thuẫn cụ thể thì địa phương và bà Hậu không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị N cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị không còn tình cảm với anh L, xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau, không tạo điều kiện đề vợ chồng đoàn tụ. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tuyết Nhung, sinh ngày 20/3/2013, hiện con chung đang do chị N trực tiếp nuôi, thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Nhận thấy, chị N đảm bảo điều kiện nuôi con, anh L không có ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002103 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T N với anh Nguyễn Vũ L.

- Về quan hệ con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tuyết Nhung, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2013. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002103 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Ô L V;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yen A